

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Việt T và chị Phạm Thu H.

- **Về con chung:** Anh Phạm Việt T và chị Phạm Thu H xác nhận vợ chồng không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nhà ở:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh T, chị H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án : Anh Phạm Việt T tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0002791 ngày 14/12/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận B. Anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ;

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Vân

